

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH PBOX VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thị Thanh Thanh**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên: Đoàn Thị Thanh Thanh**

**Mã SV:**

**Lớp : QT2201K**

**Ngành : Kế toán – Kiểm toán**

**Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài  
chính của Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên : Hòa Thị Thanh Hương**

**Học hàm, học vị : Thạc sĩ**

**Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng**

**Nội dung hướng dẫn:**

**Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2022**

**Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022**

**Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN**

*Sinh viên*

**Đã giao nhiệm vụ ĐTTN**

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2022*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA .....</b>	<b>2</b>
1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa. ....	2
1.1.1 <i>Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	2
1.1.2 <i>Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i> .....	2
1.1.3 <i>Đối tượng, trách nhiệm lập báo cáo tài chính năm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i> .....	3
1.1.4 <i>Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính</i> .....	4
1.1.5 <i>Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính</i> .....	5
1.1.6 <i>Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp</i> .	6
1.1.7 <i>Trách nhiệm, kỳ lập và gửi báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i> .....	7
1.2 Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính (giả định hoạt động liên tục) .....	8
1.2.1 <i>Khái niệm và tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính</i> .....	8
1.2.3 <i>Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính</i> .....	16
1.3 Phân tích Báo cáo tình hình tài chính .....	21
1.3.1 <i>Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính</i> .....	21

1.3.2	<i>Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính .....</i>	21
-------	---	----

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH PBOX VIỆT NAM**

..... 25

2.1.1.	<i>Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Pbox Việt Nam ....</i>	25
2.1.2.	<i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Pbox Việt Nam</i>	26
2.1.3.	<i>Đặc điểm công tác kế toán của công ty TNHH Pbox Việt Nam .....</i>	27
2.1.3.1.	<i>Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Pbox Việt Nam.....</i>	27
2.1.3.2.	<i>Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam .....</i>	28
2.1.3.3.	<i>Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Pbox Việt Nam.....</i>	30
2.2	<i>Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam .....</i>	30
2.2.1	<i>Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam. ....</i>	30
2.2.2	<i>Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam .....</i>	31
2.2.2.2.	<i>Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán. ....</i>	38
2.2.2.3.	<i>Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán.....</i>	43
2.2.2.4.	<i>Lập Bảng cân đối tài khoản tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam ...</i>	44
2.2.2.6:	<i>Kiểm tra, ký duyệt .....</i>	55
2.2.3	<i>Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam.....</i>	55

<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH PBOX VIỆT NAM.....</b>	<b>56</b>
3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam .....	56
3.1.1. Ưu điểm: .....	56
3.1.2. Nhược điểm: .....	57
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam. ....	58
3.2.1 Ý kiến thứ nhất: Nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán .....	58
3.2.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty. ....	58
3.2.2.1 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản .....	60
3.2.2.2 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn .....	63
3.2.2 Ý kiến thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi chép sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam. ....	71
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>76</b>



## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Biểu số 1.1: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a – DNN)

Biểu số 1.2: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01b – DNN)

Biểu số 1.3: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản

Biểu số 1.4 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn

Biểu số 2.1: Phiếu chi

Biểu số 2.2: Giấy nộp tiền

Biểu số 2.3: Giấy báo có

Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 111

Biểu số 2.6: Sổ cái TK 112

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 131

Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 331

Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.11: Bảng cân đối tài khoản

Biểu số 2.12: Báo cáo tình hình tài chính

Biểu số 3.1: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản

Biểu số 3.2 Phân tích tình hình biến động và nguồn vốn

Biểu số 3.3: Phân tích khả năng thanh toán

Biểu số 3.4: Giao diện làm việc của phần mềm MISA

Biểu số 3.5: Giao diện làm việc của phần mềm BRAVO

Biểu số 3.6: Giao diện làm việc của phần mềm FAST

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần TNHH Pbox Việt Nam

Sơ đồ 2.4 Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập và phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp không ngừng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Nhưng bên cạnh những thuận lợi đó, các doanh nghiệp trong nước cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Trước bối cảnh đó, các nhà quản trị cần trang bị cho mình những kiến thức về phân tích tài chính, nhằm biết cách đánh giá các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó có thể đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tài chính, trong thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Pbox Việt Nam và dưới sự hướng dẫn của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương, em xin mạnh dạn đi sâu vào tìm hiểu và chọn đề tài :“Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận được chia thành 3 chương:

**Chương 1: Một số lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

**Chương 2: Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

**Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại công ty TNHH Pbox Việt Nam**

Bài khóa luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện của ban lãnh đạo các anh chị ở trong Công ty TNHH Pbox Việt Nam, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2022

Sinh viên

Đoàn Thị Thanh Thanh

# CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

## 1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### 1.1.1 Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

BCTC có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý DN cũng như đối với các cơ quan chủ quản và các đối tượng quan tâm. Điều đó được thể hiện qua những vấn đề sau đây:

- BCTC là những báo cáo được trình bày hết sức tổng quát, phản ánh một cách tổng hợp nhất về tình hình tài sản, các khoản nợ, nguồn hình thành tài sản, tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh trong kỳ của DN.
- BCTC cung cấp những thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu để đánh giá tình hình và KQHĐSXKD, thực trạng tài chính của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động đã qua, giúp cho việc kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn và khả năng huy động nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- BCTC cung cấp các chỉ tiêu, các số liệu đáng tin cậy để tính ra các chỉ tiêu kinh tế khác nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả của các quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
- BCTC là căn cứ quan trọng trong việc phân tích, nghiên cứu, phát hiện những khả năng tiềm tàng và là căn cứ quan trọng để ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào DN của chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của DN.
- BCTC còn là những căn cứ quan trọng để xây dựng các kế hoạch kinh tế kỹ thuật, tài chính của doanh nghiệp, là những căn cứ khoa học để đề ra hệ thống các biện pháp xác thực nhằm tăng cường quản trị doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận cho DN.

➤ Chính vì vậy, BCTC là đối tượng quan tâm của các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị DN, người cho vay, các cơ quan quản lý cấp trên và cán bộ công nhân viên của DN...

### 1.1.2 Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

### *1.1.2.1. Khái niệm Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Báo cáo tài chính là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Theo thông tư 133 Báo cáo tài chính hiện hành bao gồm :

- ✓ Báo cáo tình hình tài chính
- ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Thuyết minh Báo cáo tài chính

### *1.1.2.2. Mục đích của Báo cáo tài chính*

✓ Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản;
- Nợ phải trả;
- Vốn chủ sở hữu;
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác;
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.

✓ Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các Báo cáo tài chính và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### ***1.1.3 Đối tượng, trách nhiệm lập báo cáo tài chính năm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa***

✓ Đối tượng lập Báo cáo tài chính năm:

Hệ thống Báo cáo tài chính năm ban hành theo Thông tư 133/2016/TT/BTC được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

✓ Việc ký Báo cáo tài chính phải thực hiện theo quy định của Luật Kế toán. Trường hợp doanh nghiệp không tự lập Báo cáo tài chính mà thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán lập Báo cáo tài chính, người hành nghề thuộc các đơn vị

kinh doanh dịch vụ kế toán phải ký và ghi rõ số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán trên báo cáo tài chính của đơn vị.

#### ***1.1.4 Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính***

*1.1.4.1 Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:*

- Báo cáo bắt buộc:

- Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01a - DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 – DNN

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN).

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

*1.1.4.2 Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:*

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNNKLT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNNKLT

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03 - DNN

*1.1.4.3 Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:*

- Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNSN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNSN
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNSN

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực

hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể lập thêm các báo cáo khác để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

#### ***1.1.5 Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính***

❖ Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải đầy đủ, khách quan, không có sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin được coi là đầy đủ khi bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện. Đối với một số khoản mục, việc trình bày đầy đủ còn phải mô tả thêm các thông tin về chất lượng, các yếu tố và tình huống có thể ảnh hưởng tới chất lượng và bản chất của khoản mục.

- Trình bày khách quan là không thiên vị khi lựa chọn hoặc mô tả các thông tin tài chính. Trình bày khách quan phải đảm bảo tính trung lập, không chú trọng, nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ cũng như có các thao tác khác làm thay đổi mức độ ảnh hưởng của thông tin tài chính là có lợi hoặc không có lợi cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

- Không sai sót có nghĩa là không có sự bỏ sót trong việc mô tả hiện tượng và không có sai sót trong quá trình cung cấp các thông tin báo cáo được lựa chọn và áp dụng. Không sai sót không có nghĩa là hoàn toàn chính xác trong tất cả các khía cạnh, ví dụ, việc ước tính các loại giá cả và giá trị không quan sát được khó xác định là chính xác hay không chính xác. Việc trình bày một ước tính được coi là trung thực nếu giá trị ước tính được mô tả rõ ràng, bản chất và các hạn chế của quá trình ước tính được giải thích và không có sai sót trong việc lựa chọn số liệu phù hợp trong quá trình ước tính.

❖ Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.

❖ Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.

- ❖ Thông tin tài chính phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu
- ❖ Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán; So sánh được giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau.
- ❖ Các chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính. Doanh nghiệp được chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.

#### **1.1.6 Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp**

- Báo cáo tài chính phải phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện hơn là hình thức pháp lý của các giao dịch và sự kiện đó (tôn trọng bản chất hơn hình thức).
- Tài sản không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi; Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.
- Phân loại tài sản và nợ phải trả: Tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần hoặc trình bày thành ngắn hạn và dài hạn. Riêng Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.
- Trường hợp Báo cáo tình hình tài chính trình bày thành ngắn hạn và dài hạn:

Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với DN có chu kỳ kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo nguyên tắc sau:
  - + Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại ngắn hạn;
  - + Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại dài hạn.
- Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:
  - + Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường được xếp vào loại ngắn hạn;
  - + Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường được xếp vào loại dài hạn.



Trường hợp này, doanh nghiệp phải thuyết minh rõ đặc điểm xác định chu kỳ kinh doanh thông thường, thời gian bình quân của chu kỳ kinh doanh thông thường, các bằng chứng về chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày như điểm a mục này.

+ Tài sản và nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt. Chỉ thực hiện bù trừ khi tài sản và nợ phải trả liên quan đến cùng một đối tượng, phát sinh từ các giao dịch và sự kiện cùng loại.

+ Các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí phải được trình bày theo nguyên tắc phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí và luồng tiền của kỳ báo cáo. Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của các kỳ trước có sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền phải được điều chỉnh hồi tố bằng cách báo cáo lại trên cột thông tin so sánh, không điều chỉnh vào kỳ báo cáo. Riêng doanh nghiệp siêu nhỏ được điều chỉnh sai sót của các kỳ trước vào kỳ phát hiện sai sót.

### ***1.1.7 Trách nhiệm, kỳ lập và gửi báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa***

➤ Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho các cơ quan có liên quan theo quy định.

- Ngoài việc lập báo cáo tài chính năm, các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ Kỳ lập và gửi báo cáo tài chính

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Các DN nhỏ và vừa phải gửi BCTC năm chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho các cơ quan có liên quan theo quy định
- Ngoài ra các DN còn có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán tháng, 6 tháng, 9 tháng... tùy theo yêu cầu của chủ sở hữu.

❖ Nơi nhận báo cáo tài chính năm được quy định như sau:

- Các doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thống kê.
- Các doanh nghiệp (kể cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có trụ sở nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao thì ngoài việc nộp Báo cáo tài chính năm cho các cơ quan theo quy định (Cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thống kê) còn phải nộp Báo cáo tài chính năm cho Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu.

### Nơi nhận Báo cáo tài chính

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	x	x	x	x	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	x	x

Chú thích: Cơ quan đánh dấu “x” là nơi bắt buộc phải nộp BCTC

## 1.2 Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính (giả định hoạt động liên tục)

### 1.2.1 Khái niệm và tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.2.1.1 Khái niệm của Báo cáo tình hình tài chính:

Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của DN thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

Báo cáo tình hình tài chính liệt kê các tài sản mà công ty sở hữu và nguồn hình thành lên tài sản đó: Các nghĩa vụ nợ và vốn (chủ sở hữu hay cổ đông). Báo

cáo tình hình tài chính cũng giúp người đọc đo lường hiệu quả hoạt động của công ty về khía cạnh đầu tư và sử dụng các nguồn lực tài chính.

#### *1.2.1.2 Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính:*

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính có thể đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

#### ***1.2.2 Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính giả định hoạt động liên tục***

##### *1.2.2.1 Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính*

Báo cáo tình hình tài chính gồm hai phần được phản ánh theo hai chỉ tiêu cơ bản.

- Số cuối năm: Là số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng của kỳ báo cáo.
- Số đầu năm: Là số cuối năm trước chuyển sang, số đầu năm không đổi trong suốt cả kỳ kế toán năm.

##### *1.2.2.2 Kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính*

Báo cáo tình hình tài chính có thể kết cấu:

- Theo chiều ngang (kết cấu dạng tài khoản): Bên trái là TS, bên phải là NV.
- Theo chiều dọc (kết cấu dạng báo cáo): Bên trên là TS, bên dưới là NV.

Nhưng dù kết cấu nào thì BC tình hình tài chính cũng được chia làm 2 phần:

- Phần Tài sản: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.
- Phần Nguồn vốn: Phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

**Biểu số 1.1: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a – DNN)**

Đơn vị: .....

**Mẫu số B01a-DNN**

Địa chỉ: .....

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày... tháng ... năm ...

Đơn vị tính: .....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I-Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>		
<b>II.Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính(*)	124			
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>		
1.Phải thu của khách hàng	131			
2.Trả trước cho người bán	132			
4.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
3.Phải thu khác	134			
4.Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
5.Dự phòng phải thu khó đòi(*)	136			
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>		
1.Hàng tồn kho	141			
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	142			
<b>V.Tài sản cố định</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>		
- Nguyên giá	151			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152			

<b>VI.Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>	<b>V.06</b>		
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
<b>VII.Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>170</b>	<b>V.07</b>		
<b>VIII.Tài sản dài hạn khác</b>	<b>180</b>	<b>V.08</b>		
1.Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2.Tài sản khác	182			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160 + 170 + 180)</b>	<b>200</b>			
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I.NỢ PHẢI TRẢ (400=410+420)</b>	<b>300</b>			
1.Phải trả người bán	311	V.09.a		
2.Người mua trả tiền trước	312	V.09.b		
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10		
4.Phải trả người lao động	314			
5.Phải trả khác	315	V.09.c		
6.Vay và nợ thuê tài chính	316	V.11		
7.Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8.Dự phòng phải trả	318	V.12		
9..Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>		
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			

6.Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300 + 400)</b>	<b>500</b>			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

**Biểu số 1.2: Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01b – DNN)**

Đơn vị: .....

**Mẫu số B01b-DNN**

Địa chỉ: .....

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày ... tháng... năm ...

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: .....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100			
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(...)	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130			
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
3. Phải thu ngắn hạn khác	133			
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	134			
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	135		(...)	(...)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(...)	(...)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151			
2. Tài sản ngắn hạn khác	152			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	200			
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210			

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn khác	214			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	215		(...)	(...)
<b>II. Tài sản cố định</b>	220			
- Nguyên giá	221			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(...)	(...)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(...)	(...)
<b>IV. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	240			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250			
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	251			
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (*)	252		(...)	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	253			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(300=100+200)</b>	300			
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(400=410+420)</b>	400			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>410</b>			
1. Phải trả người bán ngắn hạn	411			
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	412			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	413			
4. Phải trả người lao động	414			
5. Phải trả ngắn hạn khác	415			
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	416			
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	417			
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	418			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	420			
1. Phải trả người bán dài hạn	421			



2. Người mua trả tiền trước dài hạn	422			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	423			
4. Phải trả dài hạn khác	424			
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	425			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	426			
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	427			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (500=511+512+513+514+515+516+517)	500			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	511			
2. Thặng dư vốn cổ phần học xuất nhập khẩu ở đâu tốt	512			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	513			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	514		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	515			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	516			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (600=400+500)	600			

*Người lập biểu*  
(Ký, họ tên)

*Kế toán trưởng*  
(Ký, họ tên)

*Người đại diện theo pháp luật*  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú**

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

### ***1.2.3 Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính***

#### ***1.2.3.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình tài chính***

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp;
- Căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết; Bảng cân đối tài khoản.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước (để trình bày cột đầu năm).

#### ***1.2.3.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính***

- Bước 1: Kiểm soát các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán và tính số dư các tài khoản.
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.
- Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo mẫu (B01a – DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt.

#### ***1.2.3.3 Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính***

- Số hiệu ghi ở cột 2 "Mã số" dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số hiệu ghi ở cột 3 "Thuyết minh" của báo cáo này là số liệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu các chỉ tiêu này trong Báo cáo tình hình tài chính.
- Số liệu ghi vào cột 4 "Số cuối năm" của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay (lấy số dư cuối kỳ của trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính để ghi).
- Số hiệu ghi vào cột 5 "Số đầu năm" của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Số cuối năm" của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

*Nội dung lập các chỉ tiêu cụ thể trên Báo cáo tình hình tài chính (B01a-DNN) như sau:*

## **PHẦN TÀI SẢN**

### **A: TÀI SẢN NGẮN HẠN – Mã số 100**

Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền – Mã số 110**

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các tài khoản sau:
- + Số dư nợ TK 111, 112
- + Số dư Nợ chi tiết của TK 1281 (chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)
- + TK 1288 (chi tiết các khoản đủ tiêu chuẩn phân loại là tương đương tiền)

#### **2. Đầu tư tài chính ngắn hạn – Mã số 120**

- Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124
- **Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)**
- + Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 121.
- **Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Mã số 122)**
- + Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các khoản chứng khoán kinh doanh tại thời điểm báo cáo.
- + Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2291 và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*
- **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Mã số 123)**
- + Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110), các khoản phải thu về cho vay được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (Mã số 133).
- + Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 228.

#### **- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2291, 2292 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

#### **3. Các khoản phải thu – Mã số 130**

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135

- **Phải thu của khách hàng (Mã số 131)**
- + Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng.
- **Trả trước cho người bán (Mã số 132)**
- + Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 mở theo từng người bán.
- **Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư nợ của TK 1361

– **Phải thu khác (Mã số 134)**

+ Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo

Bao gồm: Phải thu về cho vay ngắn hạn; phải thu nội bộ ngắn hạn khác ngoài khoản phải thu về vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc đã được phản ánh ở chỉ tiêu “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” (Mã số 213); các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền lãi, cổ tức được chia; các khoản tạm ứng; các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tạm thời,... mà doanh nghiệp được quyền thu hồi.

+ Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải thu nội bộ ngắn hạn khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải trả nội bộ ngắn hạn khác trong chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (Mã số 415) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288 (chi tiết cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141.

– **Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 1381.

– **Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 2293, chi tiết dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

**4. Hàng tồn kho – Mã số 140**

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 142

– **Hàng tồn kho (Mã số 141)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157

– **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2294 và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

**5. Tài sản cố định – Mã số 150**

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152

– **Nguyên giá (Mã số 151)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211.

– **Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2142, 2143 và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

## **6. Bất động sản đầu tư – Mã số 160**

Mã số 160 = Mã số 161 + Mã số 162

– **Nguyên giá (Mã số 161)**

+ Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217.

– **Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 162)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

## **7. Xây dựng cơ bản dở dang – Mã số 170**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241.

## **8. Tài sản ngắn hạn khác – Mã số 180**

Mã số 180 = Mã số 181 + Mã số 182

– **Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 133.

– **Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 182)**

+ Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết của các TK 242, 333

## **-MÃ SỐ 200: TỔNG CỘNG TÀI SẢN**

**Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180.**

## **PHÂN NGUỒN VỐN**

### **1. NỢ PHẢI TRẢ – MÃ SỐ 300**

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 320

#### **1. Nợ ngắn hạn – Mã số 310**

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

– **Phải trả người bán (Mã số 311)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán.

– **Người mua trả tiền trước (Mã số 312)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng.

– **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)**

+ Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 333.

– **Phải trả người lao động (Mã số 314)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334.

– **Phải trả khác (Mã số 315)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của các TK 335, 3368, 338, 1388.

– **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Mã số 316)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341

– **Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào chi tiết số dư Có TK 3361.

– **Dự phòng phải trả (Mã số 318)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 352.

– **Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353.

– **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 320)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 356.

**2. Vốn chủ sở hữu – MÃ SỐ 400**

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

- **Vốn góp của chủ sở hữu – Mã số 411**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111.

- **Thặng dư vốn cổ phần – Mã số 412**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4112. *Nếu TK 4112 có số dư Nợ thì chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

- **Vốn khác của chủ sở hữu – Mã số 413**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118.

- **Cổ phiếu quỹ – Mã số 414**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 419 và *được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

- **Chênh lệch tỷ giá hối đoái – Mã số 415**

– Trường hợp đơn vị sử dụng đồng tiền khác Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chỉ tiêu này phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam.

- **Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu – Mã số 416**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418.

- **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – Mã số 417**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421. *Trường hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)*

- **MÃ SỐ 500: TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**

**Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400**

## **CHỈ TIÊU “TỔNG CỘNG TÀI SẢN MÃ SỐ 200” = CHỈ TIÊU “TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN MÃ SỐ 500”**

### **1.3 Phân tích Báo cáo tình hình tài chính**

#### **1.3.1 Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính**

Khi phân tích Báo cáo tình hình tài chính thường sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ và phương pháp cân đối.

##### **1.3.1.1 Phương pháp so sánh:**

Dùng để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Trong phương pháp này có 3 kỹ thuật so sánh chủ yếu :

- So sánh tuyệt đối: Là mức độ biến động [ vượt (+) hay hụt (-) ] của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh tương đối: Là tỷ lệ % của mức biến động giữa 2 kỳ, kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh kết cấu: Là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

##### **1.3.1.2 Phương pháp tỷ lệ:**

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực của các đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng. Các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu. Phương pháp tỷ lệ bao gồm:

- Tỷ lệ khả năng thanh toán: đánh giá khả năng đáp ứng của từng khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Tỷ lệ về khả năng cân đối vốn, nguồn vốn: phản ánh mức độ ổn định và tự chủ về tài chính.

- Tỷ lệ khả năng sinh lời: phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

##### **1.3.1.3 Phương pháp cân đối**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối, cân đối là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tình hình thực hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

#### **1.3.2 Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính**

##### **1.3.2.1 Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính**

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan.

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản: thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ.

**(Biểu số 1.3 )**

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn: là phân tích cơ cấu và tình hình biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ.**(Biểu số 1.4)**

**Biểu số 1.3: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản**

TÀI SẢN	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch +/-		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ %	Đầu năm	Cuối năm
I. Tiền và khác khoản tương đương tiền						
II. Đầu tư tài chính						
III. Các khoản phải thu						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản cố định						
VI. Bất động sản đầu tư						
VII. XDCB dở dang						
VIII. Tài sản khác						
<b>Cộng</b>						



**Biểu số 1.4 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn**

NGUỒN VỐN	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch +/-		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ %	Đầu năm	Cuối năm
<b>I. Nợ phải trả</b>						
1. Phải trả người bán						
2. Người mua trả tiền trước						
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
4. Phải trả người lao động						
5. Phải trả khác						
6. Va và nợ thuê tài chính						
7. Phía trả nội bộ về vốn kinh doanh						
8. Dự phòng phải trả						
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ						
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>						
1. Vốn góp của chủ sở hữu						
2. Thặng dư vốn cổ phần						
3. Vốn khác của chủ sở hữu						
4. Cổ phiếu quỹ						
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái						
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu						
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối						
<b>Cộng</b>						

### 1.3.2.2 Phân tích khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các tỉ số khả năng thanh toán

- Nhóm chỉ tiêu thanh toán

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát: Là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho biết tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp có đảm bảo trang trải khoản nợ phải trả hay không

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn}}$$

Nếu hệ số này nhỏ hơn 1, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán khó khăn về tài chính. Hệ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ tất cả các khoản vốn huy động từ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo.

+ Hệ số thanh toán hiện thời :

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này càng lớn (lớn hơn 1) và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng và ngược lại. Nếu hệ số này tăng thì rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

**Chú ý :** Nếu hệ số này tăng do nợ khó đòi phải thu tăng, do hàng bán trả chậm kém phẩm chất tăng, làm một phần hàng tồn kho tăng, làm cho không thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và làm cho rủi ro tài chính doanh nghiệp tăng.

Nếu tỷ số khả năng thanh toán giảm do tăng nợ phải trả thì kết luận khả năng thanh toán giảm, rủi ro tài chính tăng.

Nếu khả năng thanh toán giảm do tử số giảm làm tốt công việc thu hồi công nợ, hàng bán nhanh dẫn tới hàng tồn kho giảm thì có thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và rủi ro tài chính không tăng.

+ Hệ số thanh toán nhanh: Là thước đo về huy động các tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Nếu hệ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng thì khả năng thanh toán nhanh của DN tăng làm cho rủi ro tài chính của DN giảm và ngược lại.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH PBOX VIỆT NAM**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

#### **Thông tin khái quát chung về công ty**

- Tên gọi của Công ty : Công ty TNHH Pbox Việt Nam
- Tên giao dịch : Pbox Viet Nam Company Limited
- Địa chỉ : Hạ Đoạn 2 - Đường Chùa Vẽ - Phường Đông Hải – Quận Hải An – Thành phố Hải phòng
- Điện thoại : 084(031)3741183
- Fax : 084(031)3741184
- Email : [thephung@.com](mailto:thephung@.com)
- Website : [www.pbox.com.vn](http://www.pbox.com.vn)
- Loại hình Doanh nghiệp : Doanh nghiệp tư nhân
- Chi nhánh số 2: 755D Đường Nguyễn Duy Trinh- Phường Phú Hữu- Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh

#### **2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

- PBOX được thành lập vào năm 2004 đã phát triển trở thành công ty dẫn đầu trong thị trường sản xuất, cung cấp và dịch vụ bộ dụng cụ may mặc trên móc áo (GOH - Garment On Hanger) cho các container vận chuyển.

- Sự vượt trội về chất lượng hàng hóa và dịch vụ của Pbox đã giúp Pbox trở thành nhà cung cấp GOH được ưa thích nhất trong và giữa Đông Nam Á và Châu Âu. Danh tiếng chất lượng này đã dẫn đến sự quan tâm trên toàn cầu, do đó việc mở rộng hoạt động của Pbox sang các châu lục khác, cho cả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là điều không thể tránh khỏi và hiện đang được tiến hành tốt.

- Các bộ dụng cụ GOH tiêu chuẩn, đa dạng do Pbox sản xuất và cung cấp đáp ứng các yêu cầu chung của ngành công nghiệp toàn cầu. Tuy nhiên, Pbox cũng thiết kế, sản xuất và cung cấp các bộ dụng cụ GOH tùy chỉnh để đáp ứng các yêu cầu cụ thể của khách hàng quốc tế.

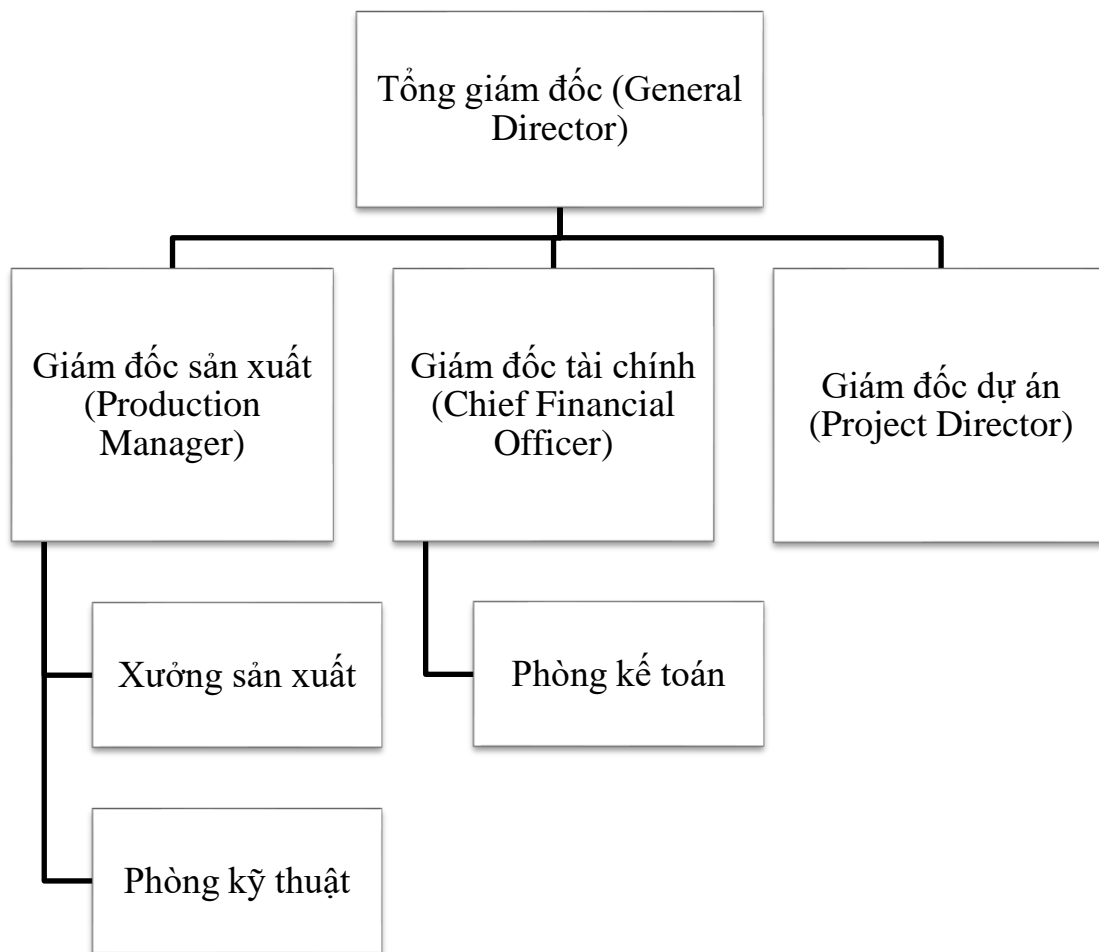
- Pbox làm việc liên tục để phát triển thế hệ tiếp theo của bộ công cụ GOH nhằm đáp ứng phản hồi của khách hàng, thay đổi công nghệ và xu hướng thị trường. Các kỹ năng đổi mới của Pbox đã cung cấp thế hệ bộ dụng cụ GOH hiện tại có thể được lắp đặt trong bất kỳ container vận chuyển hàng hóa đường biển nào mà không cần sửa đổi container (hàn, v.v.). Bộ dụng cụ Pbox GOH có

thể được cài đặt và gỡ bỏ nhanh chóng, hỗ trợ chức năng tái sử dụng nhiều lần của chúng.

- Điều quan trọng, Pbox liên hệ chặt chẽ và trực tiếp với khách hàng để đảm bảo rằng họ nhận được lời khuyên từ chuyên gia của GOH nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động và thương mại mà họ yêu cầu.

### **2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Pbox Việt Nam**

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam theo mô hình trực tuyến chức năng(Sơ đồ 2.1)



**Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty**

Chức năng nhiệm vụ của bộ phận quản lý:

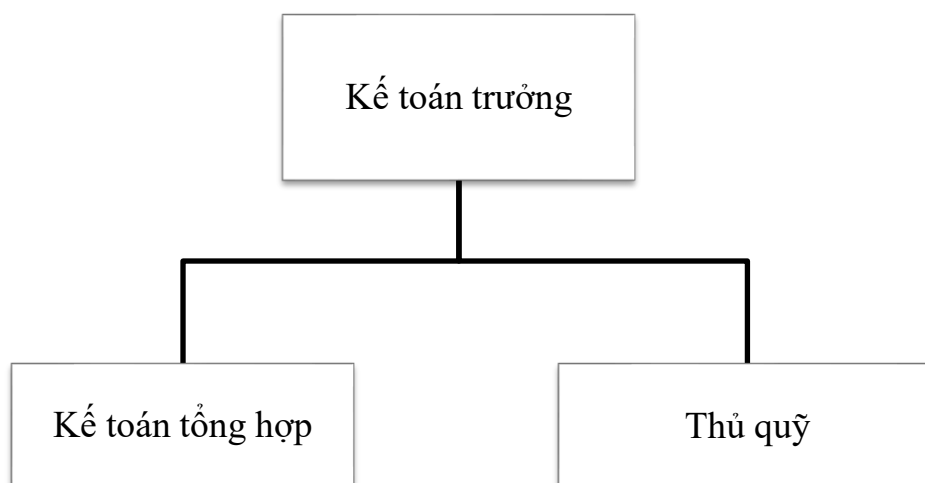
- Tổng Giám đốc: giám đốc Phạm Trung Hiếu là người đại diện pháp nhân của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Giám đốc sản xuất: người chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động sản xuất ra sản phẩm của doanh nghiệp được đúng kế hoạch, đúng số lượng, đạt chất lượng đề ra, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đem lại giá trị cho cả khách hàng lẫn doanh nghiệp
- Giám đốc tài chính: thực hiện hoạt động quản lý tài chính như nghiên cứu, phân tích và xử lý các mối quan hệ tài chính trong doanh nghiệp, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, cảnh báo các nguy cơ đối với doanh nghiệp thông qua phân tích tài chính và đưa ra những dự báo đang tin cậy trong tương lai
- Giám đốc dự án: người thường xuyên phải làm việc và thực hiện đàm phán với các bên liên quan và phối hợp công việc cùng họ để có được một phương án làm việc đạt hiệu quả cao nhất, mở rộng dự án ra nước ngoài

### ***2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của công ty TNHH Pbox Việt Nam***

#### ***2.1.3.1. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Pbox Việt Nam***

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án đáng giá đầu tư sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

*Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.2)*



### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

➤ Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Kế toán trưởng:
  - Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty
  - Là kiểm soát viên tài chính
  - Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Tổng giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán
- Kế toán tổng hợp
  - Người chịu trách nhiệm ghi chép, phản ánh và thống kê một cách tổng quát các số liệu, dữ liệu trên các tài khoản, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu giá trị của doanh nghiệp.
- Thủ quỹ
  - Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu chi tiền mặt
  - Quản lý, bảo quản tiền mặt
  - Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định
  - Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ

#### 2.1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam

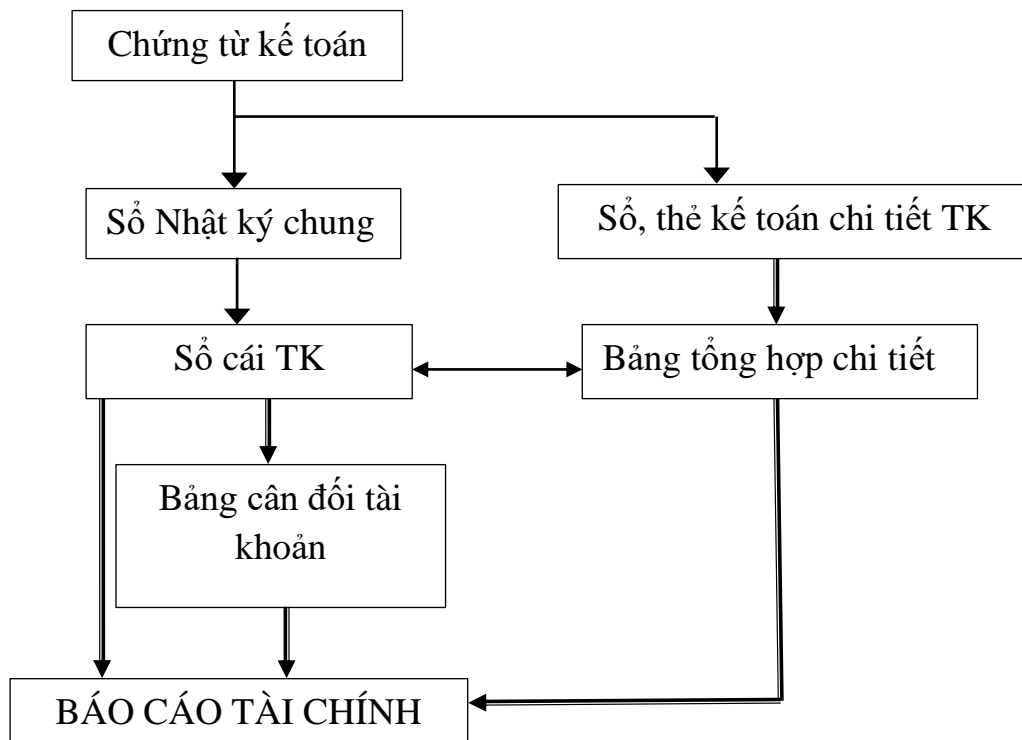
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung (Sơ đồ 2.3). Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính

phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần TNHH Pbox Việt Nam**

**Chú thích:**

- Nhập số liệu hàng ngày —————>
- In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm ══════=>
- Đối chiếu, kiểm tra ----->

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ

#### *2.1.3.3. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Pbox Việt Nam*

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

### *2.2.1 Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam.*

- Căn cứ vào sổ cái các tài khoản
- Căn cứ vào Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng tổng hợp chi tiết



- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước.

### ***2.2.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam***

Hiện nay Công ty TNHH Pbox Việt Nam thực hiện lập Báo cáo tình hình tài chính theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.

Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt

### ***2.2.3 Nội dung các bước khi lập BCTHTC tại công ty***

#### ***2.2.3.1. Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán***

Kiểm tra tính có thật các nghiệp vụ phát sinh được xem là khâu quan trọng nhất, phản ánh tính trung thực của thông tin trên BCTC. Vì vậy, đây là công việc được phòng kế toán của công ty tiến hành chặt chẽ.

Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp bộ chứng từ kế toán theo thứ tự thời gian nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Kiểm tra, đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ sách kế toán.
- Nếu phát sinh sai sót, lập tức tiến hành điều chỉnh xử lý kịp thời

**Ví dụ 1:** Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ: Ngày 09/12/2021, nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, số tiền 300.000.000 đồng. Căn cứ vào phiếu chi số 645 (Biểu số 2.1) kế toán kiểm tra đối chiếu với Giấy nộp tiền (Biểu số 2.2). Từ Giấy nộp tiền kiểm tra đối chiếu Giấy báo có (Biểu số 2.3) vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4), căn cứ Nhật ký chung kế toán kiểm tra đối chứng Sổ cái TK 111 (Biểu số 2.5) và Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.6)

## **Biểu số 2.1: Phiếu chi**

**Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường  
Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải  
Phòng, Việt Nam

**Mẫu số: Mẫu số 02-TT**

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)*

### **PHIẾU CHI**

*Ngày: 09/12/2021*

*Số: 645*

*Nợ 112: 300.000.000*

*Có 111: 300.000.000*

*Họ tên người nhận tiền: Trần Tú Anh*

*Địa chỉ: Phòng kế toán*

*Lý do: Nộp tiền vào tài khoản.*

*Số tiền: 300.000.000 đồng chẵn*

*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*

*Chứng từ kèm theo: .....Chứng từ gốc: .....*

Ngày 09 tháng 12 năm 2021.

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(ký, họ tên)

Người lập  
(ký, họ tên)

Người nhận  
(ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

**Biểu số 2.2: Giấy nộp tiền**

**Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam**

**Techcombank.**

**GIẤY NỘP TIỀN**

**Ngày:** 09/12/2021

**Liên 2: Giao người nộp**

**Người nộp:** Trần Tú Anh  
**Địa chỉ:** Hạ Đoạn 2 – Đường Chùa Vẽ - Phường Đông Hải –  
Quận Hải An – Thành phố Hải Phòng  
**Số tài khoản:** 10924053414015  
**Tên tài khoản:** Công ty TNHH Pbox Việt Nam  
**Tại ngân hàng:** Techcombank – CN Hải Phòng  
**Số tiền bằng số:** 300.000.000 đồng.  
**Số tiền bằng chữ:** Ba trăm triệu đồng chẵn.  
**Nội dung:** Nộp tiền vào tài khoản

**Người nộp tiền**  
(ký, họ tên)

**Giao dịch viên**  
(ký, họ tên)

**Kiểm soát viên**  
(ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

## Biểu số 2.3: Giấy báo có



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam  
Mã số thuế: 0100230800

Số giao dịch: FT12332989003

### PHIẾU BÁO CÓ

**Tên tổ chức:** Công ty TNHH Pbox Việt Nam  
**Mã số thuế:** 0202000184  
**Địa chỉ:** Hạ Đoạn 2 - Đường Chùa Vẽ - Phường Đông Hải –  
Quận Hải An – Thành phố Hải phòng  
**Số tiền:** 300.000.000 đồng  
**Số tiền (bằng chữ):** Ba trăm triệu đồng chẵn  
**Nội dung:** Gửi tiền vào ngân hàng  
**Số TK có:**  
**Số TK nợ:**

**Giao dịch viên**  
(ký, họ tên)

**Kiểm soát**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**GĐ ngân hàng**  
(ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

**Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung****Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM**Mẫu số:** S03a-DNN**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

*Đơn vị tính: đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	NT	Số hiệu			NỢ	CÓ
			...			
01/12	01/12	PC00487	Thanh toán cước di động	6421	174.975	
				1111		174.975
01/12	01/12	HĐ000001 23 PN0318	Mua hàng của công ty TNHH TMDV Viva	152	21.200.000	
				1331	2.120.000	
				331		23.320.000
			.....			
05/12	05/12	PC00639	Chi tiền lương và các khoản hỗ trợ tháng 11.2021	334	183.231.471	
				1111		183.231.471
			.....			
07/12	07/12	PT00370 GBN511	Rút TGNH về nhập quỹ TM	111	100.000.000	
				112		100.000.000
07/12	07/12	PX0323 HĐ220	Xuất kho lắp đặt hàng cho công ty Torque Logistics	154	21.290.354	
				155		18.359.691
				152		2.930.663
			.....			
09/12	09/12	PC00645 GBC9003	Nộp TM vào TK Techcombank	112	300.000.000	
				111		300.000.000
			...			
12/12	12/12	PC00651	Chi tiền mua dầu	154	363.636	
				1331	36.364	
				1111		400.000
12/12	12/12	HĐ 0002223 PX0340	Bán hàng cho CN công ty TNHH GNVN Hellman	131	418.888.800	
				5113		380.808.000
				3331		38.080.800
			...			
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		245.081.334. 576	245.081.334. 576

*Hải Phòng, ngày...tháng...năm*Người lập biểu  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

**Biểu số 2.5: Sổ cái TK 111****Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM**Mẫu số:** S03b-DNN**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CÁI****Năm 2021****Tên tài khoản: 111-Tiền mặt**

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	NT	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>64.740.112</b>	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
			...			
01/12	01/12	PC00487	Thanh toán cước di động	6421 1331		174.975 17.498
			...			
05/12	05/12	PT00368	Vay bổ sung vốn lưu động	3411	280.000.000	
05/12	05/12	PC00369	Chi tiền lương và các khoản hỗ trợ tháng 11.2021	334		183.231.471
			...			
07/12	07/12	PT00370 GBN511	Rút TGNH về nhập quỹ TM	112	100.000.000	
			...			
09/12	09/12	PC00645 GBC9003	Nộp TM vào TK Techcombank	112		300.000.000
			...			
31/12	31/12	PC712	Chi nộp tiền KPCĐ quý 4.2021	3382		11.872.165
31/12	31/12	PC713 HĐ 0012212	Thanh toán tiền hàng cho công ty Ando	331		67.332.891
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.174.217.710</b>	<b>4.224.297.075</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>14.660.747</b>	

*Hải Phòng, ngày...tháng...năm*Người lập biểu  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

**Biểu số 2.6: Sổ cái TK 112****Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số:** S03b-DNN*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CÁI****Năm 2021****Tên tài khoản: 112-Tiền gửi ngân hàng**

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	NT	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>2.178.571.948</b>	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
			...			
07/12	07/12	PT00370 GBN511	Rút TGNH về nhập quỹ TM	111		100.000.000
			...			
09/12	09/12	PC00645 GBC9003	Nộp TM vào TK Techcombank	111	300.000.000	
			...			
18/12	18/12	GBN523	Nộp thuế GTGT tháng 11.2021	3331		11.662,526
22/12	22/12	GBN531	Nộp tiền bảo hiểm xã hội T12.2021	3383		36.137.142
22/12	22/12	GBN532 HĐ00003 44	Trả tiền điện	331		3.053.272
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>42.570.287.790</b>	<b>43.694.958.422</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>1.053.901.316</b>	

*Hải Phòng, ngày...tháng...năm*Người lập biểu  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

#### 2.2.2.2. *Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.*

Sau khi kiểm tra tính có thật và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, kế toán tiến hành cộng số phát sinh, tính số dư cuối kỳ của Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau đó đối chiếu số liệu giữa Sổ cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết liên quan như sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp chi tiết 131... Nếu phát hiện sai sót thì kịp thời sửa chữa.

#### **Ví dụ 2:**

Đối chiếu số liệu giữa Sổ cái TK 131 (Biểu số 2.7) và Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 2.8), giữa sổ cái TK 331 (Biểu số 2.9) và Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (Biểu số 2.10)



**Biểu số 2.7: Sổ cái TK 131**

**Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM  
**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường  
 Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải  
 Phòng, Việt Nam

**Mẫu số S03b-DNN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**  
**Năm 2021**

Tài khoản: 131- Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	NT	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>6.884.689.212</b>	<b>23.061.287</b>
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
			...			
20/01	20/01	HĐ000000 9 PX00013	Bán hàng CN công ty TNHH GNV Hellman	5111 3331	54.414.432 5.441.443	
			...			
11/02	11/02	GBC01112 HĐ000002 3	Thu tiền hàng của công ty Maerk	1122		195.366.928
			...			
31/03	31/03	HĐ00002 31 PX00102	Bán hàng Cn công ty GNVC Indo	5113 3331	12.260.182 1.226.018	
			...			
20/08	20/08	HĐ000071 74 GBC0480 2	Thu tiền hàng của công ty TNHH Kuehne	1122		144.090.287
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>25.094.298.344</b>	<b>26.146.254.854</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>5.832.766.828</b>	<b>23.095.413</b>

Hải Phòng, ngày...tháng...năm

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)

## Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131- Phải thu khách hàng

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH TNHH GNVT Hellman		2.715.643	176.887.304	192.405.367		18.233.706
	...						
8	Công ty Maerk			376.901.322	376.901.322		
9	CN công ty GNVC Indo	32.786.400		256.340.000	256.340.000	32.786.400	
	...						
20	CN công ty TNHH Kuehne	69.007.112		48.234.232	98.234.232	19.007.112	
	Cộng	6.884.689.212	23.061.287	25.094.298.344	26.146.254.854	5.832.766.828	23.095.413

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)

**Biểu số 2.9: Sổ cái TK 331**

**Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM  
**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường  
 Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải  
 Phòng, Việt Nam

**Mẫu số S03b-DNN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)*

**SỔ CÁI**  
**Năm 2021**

Tài khoản: 331- Phải trả người bán

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	NT	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>79.381.109</b>	<b>6.219.377.629</b>
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
			...			
31/03	31/03	PN00089 PN000029 9	Mua hàng công ty CP Tiếp Vận Xanh	154 1331		58.229.000 5.822.900
			...			
21/04	21/04	HĐ000134 5 UNC2104	Thanh toán tiền hàng Công ty Maersk	112	79.496.481	
			...			
12/06	12/06	PN00156 HĐ00011 23	Mua hàng của công ty TNHH Super DRY	152 1331		9.700.000 970.000
			...			
24/07	24/07	HĐ00001 109 UNC2407	Thanh toán tiền hàng công ty New Pacific	1121	5.578.947	
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>20.401.524.195</b>	<b>17.214.959.970</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>18.747.850</b>	<b>2.972.180.145</b>

*Hải Phòng, ngày...tháng...năm*

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

**Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán****Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 331- Phải trả người bán

Năm 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

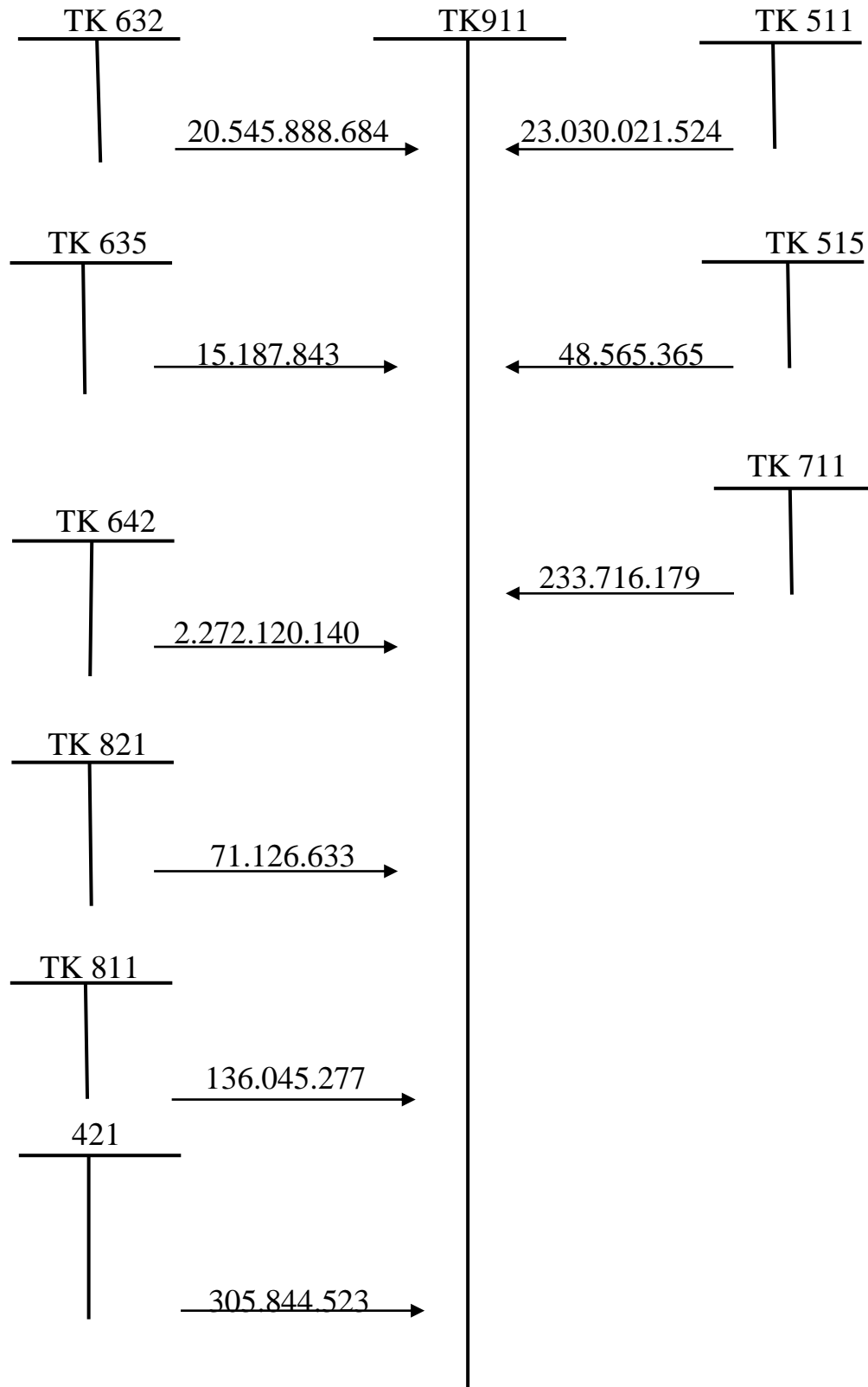
TT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP Tiếp Vận Xanh			98.533.012	98.553.012		
2	Công ty Maersk	37.400.000		85.400.090	76.000,661	46.799.339	
	...						
8	Công ty TNHH Super DRy			34.000.000	34.000.000		
10	CN công ty TNHH Kuehne		12.756.913	176.099.289	181.909.214		18.566.838
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>79.381.109</b>	<b>6.219.377.629</b>	<b>20.401.524.195</b>	<b>17.214.959.970</b>	<b>18.747.850</b>	<b>2.972.180.145</b>

Người lập biểu  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

### 2.2.2.3. Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán

Tiếp theo, công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh. Số liệu được tổng hợp qua sơ đồ 2.4 sau:

**Sơ đồ 2.4 Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**



#### 2.2.2.4. Lập Bảng cân đối tài khoản tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam

Bảng cân đối tài khoản là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối tài khoản được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp.

- Tổng số phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.

- Cột số thứ tự: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết.

- Cột số hiệu tài khoản: Dùng để ghi số hiệu của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng, ghi từ tài khoản có số hiệu nhỏ đến tài khoản có số hiệu lớn, không phân biệt tài khoản có còn số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.

- Cột tên tài khoản: Dùng để ghi tên của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng tương ứng với số hiệu tài khoản.

- Cột số dư đầu kỳ: Số liệu ghi số dư đầu kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cột số phát sinh trong kỳ: Số cộng phát sinh trên các sổ cái được sử dụng để ghi vào tổng số phát sinh trong kỳ của các tài khoản tương ứng, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.

- Cột số dư cuối kỳ: Số liệu ghi số dư cuối kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ có bằng nhau từng cặp một hay không.

**Ví dụ:** Cách lập chỉ tiêu tiền mặt – TK 111 trên bảng cân đối số phát sinh của công ty năm 2021

- Cột “Số hiệu tài khoản” là : 111

- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên sổ cái TK 111, số tiền là: **64.740.112** đồng.

- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền là: **4.174.217.710** đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên sổ Cái TK 111, số tiền là: **4.224.297.075** đồng.

- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên sổ Cái TK 111, số tiền: **14.660.747** đồng

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự. Bảng cân đối số phát sinh năm 2021 của công ty như sau (Biểu số 2.11)

**Biểu số 2.11: Bảng cân đối tài khoản****Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng**Mẫu số F01-DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Mã TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	64.740.112		4.174.217.710	4.224.297.075	14.660.747	
112	Tiền gửi ngân hàng	2.178.571.948		42.570.287.790	43.694.958.422	1.053.901.316	
131	Phải thu của khách hàng	6.884.689.212	23.061.287	25.094.298.344	26.146.254.854	5.832.766.828	23.095.413
133	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ			1.592.349.508	1.592.349.508		
138	Phải thu khác	219.719.437		3.000.000	3.000.000	219.719.437	
141	Tạm ứng			25.000.000	25.000.000		
152	Nguyên liệu, vật liệu	14.499.956.355		12.052.001.517	14.343.207.488	12.208.750.384	
153	Công cụ, dụng cụ	10.472.186		310.653.260	279.910.936	41.214.510	
154	Chi phí SXDK dở dang			33.719.970.562	33.719.970.562		
155	Thành phẩm	90.456.830		16.944.187.225	16.944.187.225	90.456.830	
156	Hàng hóa	505.306.268		216.569.200	252.929.247	468.946.221	
211	Tài sản cố định	5.265.230.394			386.957.962	4.878.272.432	
214	Hao mòn tài sản cố định		2.533.161.002	285.225.449	351.594.085		2.599.529.638
242	Chi phí trả trước	350.615.035		111.571.909	161.718.981	300.467.963	
331	Phải trả cho người bán	79.381.109	6.219.377.629	20.401.524.195	17.214.959.970	18.747.850	2.972.180.145
333	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.678.435	46.578.692	2.112.375.240	2.108.549.298	8.989.792	44.064.107
334	Phải trả người lao động		547.208.425	3.754.264.712	3.622.406.500		415.350.213
335	Chi phí phải trả			687.274.766	687.274.766		



341	Vay và nợ thuê tài chính		13.588.800.000	11.350.988.461	9.350.988.461		11.588.800.000
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.000.000.000					5.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.198.630.286	10.600.015	305.844.523		2.493.874.794
511	Doanh thu bán hàng		23.030.021.524	23.030.021.524			
515	Doanh thu hoạt động tài chính		48.565.365	48.565.365			
632	Giá vốn hàng bán		20.545.888.684	20.545.888.684			
635	Chi phí tài chính		15.187.843	15.187.843			
642	Chi phí quản lý kinh doanh		2.272.120.140	2.272.120.140			
711	Thu nhập khác		233.716.179	233.716.179			
811	Chi phí khác		136.045.277	136.045.277			
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		71.126.633	71.126.633			
911	Xác định kết quả kinh doanh		23.312.303.068	23.312.303.068			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.156.817.321</b>	<b>30.156.817.321</b>	<b>245.081.334.576</b>	<b>245.081.334.576</b>	<b>25.136.894.310</b>	<b>25.136.894.310</b>

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)*

### 2.2.2.5. Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính năm 2021 tại công ty TNHH Pbox Việt Nam

Cột số đầu năm: Số liệu được lấy từ số liệu “cột cuối năm: trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Pbox Việt Nam năm 2020

Cột số cuối năm: kế toán căn cứ vào Sổ Cái, Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản và Bảng cân đối tài khoản năm 2021 của công ty TNN Pbox Việt Nam để lập các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính

Việc lập các chỉ tiêu cụ thể của Báo cáo tình hình tài chính được tiến hành như sau:

#### **PHẦN TÀI SẢN**

##### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền – Mã số 110**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111 “Tiền mặt: số tiền là : 14.660.747 đồng; TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” số tiền: **1.053.901.316** đồng

**Mã 110 = 14.660.747+1.053.901.316 = 1.068.562.063**

##### **2. Đầu tư tài chính ngắn hạn – Mã số 120**

- Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

##### **3. Các khoản phải thu – Mã số 130**

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135

###### **– Phải thu của khách hàng (Mã số 131)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng, số tiền là: **5.832.766.828** đồng

###### **– Trả trước cho người bán (Mã số 132)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 mở theo từng người bán, số tiền là: **18.747.850** đồng

###### **- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

###### **– Phải thu khác (Mã số 134)**

+ Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288 (chi tiết cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141. Số tiền là: **219.719.437** đồng

– **Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

– **Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

$$\text{Mã số 130} = 5.832.766.828 + 18.747.850 + 219.719.437 = 6.071.234.115$$

**4. Hàng tồn kho – Mã số 140**

$$\text{Mã số 140} = \text{Mã số 141} + \text{Mã số 142}$$

– **Hàng tồn kho (Mã số 141)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157. Số tiền là: **12.809.367.945** đồng

– **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

$$\text{Mã số 140} = 12.809.367.945 \text{ đồng}$$

**5. Tài sản cố định – Mã số 150**

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152}$$

– **Nguyên giá (Mã số 151)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211, số tiền là: **4.878.272.432** đồng

– **Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2142, 2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...), số tiền là: (2.599.529.638) đồng

**6. Bất động sản đầu tư – Mã số 160**

$$\text{Mã số 160} = \text{Mã số 161} + \text{Mã số 162}$$

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**7. Xây dựng cơ bản dở dang – Mã số 170**

– Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241.

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**8. Tài sản khác – Mã số 180**

$$\text{Mã số 180} = \text{Mã số 181} + \text{Mã số 182}$$

– **Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 133

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

– **Tài sản khác (Mã số 182)**

+ Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết của các TK 242, 333.  
Số tiền là: **309.457.755** đồng

### **-MÃ SỐ 200: TỔNG CỘNG TÀI SẢN**

**Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 +  
Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180 = 1.068.562.063 + 6.071.234.115 +  
12.809.367.945 + 2.278.742.794 + 309.457.755 = 22.537.364.672 đồng**

### **PHÂN NGUỒN VỐN**

#### **I. NỢ PHẢI TRẢ – MÃ SỐ 300**

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 320

##### **1. Nợ ngắn hạn – Mã số 310**

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 +  
Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

##### **– Phải trả người bán (Mã số 311)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán, số tiền là: **2.972.180.145** đồng

##### **– Người mua trả tiền trước (Mã số 312)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng, số tiền là: **23.095.413** đồng

##### **– Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)**

+ Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 333, số tiền là: **44.164.107** đồng

##### **– Phải trả người lao động (Mã số 314)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334, số tiền là: **415.350.213** đồng

##### **– Phải trả khác (Mã số 315)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

##### **– Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Mã số 316)**

+ Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341, số tiền **11.588.800.000** đồng

##### **– Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Dự phòng phải trả (Mã số 318)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 320)**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**Mã số 300 = 2.972.180.145 + 23.095.413 + 44.064.107 + 415.350.213 + 11.588.800.000 = 15.043.489.678 đồng**

**2. Vốn chủ sở hữu – MÃ SỐ 400**

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

**- Vốn góp của chủ sở hữu – Mã số 411**

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111, số tiền là: 5.000.000.000 đồng

**- Thặng dư vốn cổ phần – Mã số 412**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Vốn khác của chủ sở hữu – Mã số 413**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Cổ phiếu quỹ – Mã số 414**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Chênh lệch tỷ giá hối đoái – Mã số 415**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu – Mã số 416**

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

**- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – Mã số 417**

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421. *Trường hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).* Số tiền là: **2.493.874.794** đồng

**Mã số 400 = 5.000.000.000 + 2.493.874.794 = 7.493.874.794 đồng**

**- MÃ SỐ 500: TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**

**Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400 = 15.043.489.678 + 7.493.874.794 = 22.537.364.672 đồng**

**Sau đây là Báo cáo tình hình tài chính lập tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty TNHH Pbox Việt Nam:**

**Biểu số 2.12: Báo cáo tình hình tài chính**

**Đơn vị:** Công ty TNHH PBOX VIỆT NAM  
**Địa chỉ:** Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường  
 Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải  
 Phòng, Việt Nam

**Mẫu số B01a-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.068.562.063	2.243.312.060
II.Đầu tư tài chính	120	V.02		
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
III.Các khoản phải thu	130	V.03	6.071.234.115	7.183.789.758
1.Phải thu của khách hàng	131		5.832.766.828	6.884.689.212
2.Trả trước cho người bán	132		18.747.850	79.381.109
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4.Phải thu khác	133		219.719.437	219.719.437
5.Tài sản thiếu chờ xử lý	134			
6.Dự phòng phải thu khó đòi(*)	135			
IV.Hàng tồn kho	140	V.04	12.809.367.945	15.106.191.639
1.Hàng tồn kho	141		12.809.367.945	15.106.191.639
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	142			
V.Tài sản cố định	150	V.05	2.278.742.794	2.732.069.392
- Nguyên giá	151		4.878.272.432	5.265.230.394

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(2.599.529.638)	(2.533.161.002)
VI.Bất động sản đầu tư	160	V.06		
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
VII.Xây dựng cơ bản dở dang	170	V.07		
VIII.Tài sản khác	150	V.08	309.457.755	358.293.470
1.Thuế GTGT được khấu trừ	151			
2.Tài sản ngắn hạn khác	152		309.457.755	358.293.470
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200= 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160 + 170 + 180)</b>	200		22.537.364.672	27.623.656.319
<b>NGUỒN VỐN</b>				
I.Nợ phải trả	300		15.043.489.878	20.425.026.033
1.Phải trả người bán	311	V.09.a	2.972.180.145	6.219.377.629
2.Người mua trả tiền trước	312	V.09.b	23.095.413	23.061.287
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	44.064.107	46.578.692
4.Phải trả người lao động	314		415.350.213	547.208.425
5.Phải trả khác	315	V.09.c		
6.Vay và nợ thuê tài chính	316	V.11	11.588.800.000	13.588.800.000
7.Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8.Dự phòng phải trả ngắn hạn	318	V.12		
9.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II-VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	V.13	7.493.874.794	7.198.630.286
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.Cổ phiếu quỹ (*)	414			

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		2.493.874.794	2.198.630.286
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500 = 300 + 400)</b>	500		22.537.364.672	27.623.656.319

Hải Phòng, ngày...tháng...năm

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Pbox Việt Nam)



#### *2.2.2.6: Kiểm tra, ký duyệt*

Sau khi lập xong Báo cáo tình hình tài chính, kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa các chỉ tiêu, sau đó ký để chịu trách nhiệm về số liệu làm ra. Cuối cùng, Báo cáo tình hình tài chính và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH Pbox Việt Nam được hoàn thành.

#### *2.2.3 Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam*

Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là một trong những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị Công ty có thể đưa ra những đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty.

Công ty TNHH Pbox Việt Nam là một doanh nghiệp nhỏ và vừa, số nhân viên kế toán ít nên trong những năm qua việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính không được thực hiện.

## **CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH PBOX VIỆT NAM**

### **3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam**

#### **3.1.1. Ưu điểm:**

- Về tổ chức bộ máy quản lý :

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng nhiệm vụ của mình các phòng ban còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về bộ máy kế toán:

Phòng kế toán của công ty có 3 người trong đó có 1 kế toán trưởng cùng 1 kế toán tổng hợp và 1 thủ quỹ. Kế toán trưởng là người có kinh nghiệm, năng lực và trình độ trong lĩnh vực kế toán. Các nhân viên đều là người có chuyên môn và được phân công đúng trách nhiệm và năng lực của mình. Công ty lựa chọn loại hình tổ chức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng và chính xác.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo kịp thời.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

Công ty đã áp dụng hình thức “ Nhật ký chung” – đây là hình thức đơn giản, dễ làm. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo hoạt động của Công ty và tạo được mối quan hệ mật thiết với các bộ phận trong toàn hệ thống kế toán tại Công ty. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ ở phòng kế toán đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kế toán được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

- Công ty đã lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Trước khi tiến hành lập bảng Báo cáo tình hình tài chính, kế toán đã tiến hành kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác kiểm tra tính chính

xác, trung thực của các nghiệp vụ kinh tế được tiến hành thường xuyên liên tục là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán.

- Việc lập Báo cáo tình hình tài chính được lên kế hoạch cụ thể, chia thành các bước rõ ràng. Trước khi lập Báo cáo tình hình tài chính, kế toán tổng hợp đã tiến hành kiểm tra các chứng từ sổ sách đảm bảo tính chính xác về số liệu, nội dung. Sự kiểm tra chính xác, trung thực đã giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty trong kỳ kế toán.

### ***3.1.2. Nhược điểm:***

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam còn mắc phải những mặt hạn chế:

- Về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính.

Công ty chưa quan tâm đến việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng và Báo cáo tài chính nói chung. Như vậy, Công ty đã bỏ qua một công cụ đắc lực hỗ trợ, giúp đỡ cho công tác quản lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất. Đồng thời nếu chỉ căn cứ vào các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính thì chưa thấy rõ được các khía cạnh của tình hình tài chính của Công ty như là sự biến động, tính cân đối của tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy khiến cho người sử dụng thông tin khó nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty và việc đề ra những biện pháp khắc phục những hạn chế của Công ty còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao.

- Về việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn, đôi khi làm cho việc cung cấp thông tin chưa nhanh chóng kịp thời.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam.**

#### ***3.2.1 Ý kiến thứ nhất: Nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán***

Yếu tố con người vẫn là yếu tố quyết định trong nhiều vấn đề và lĩnh vực trong cuộc sống. Trong chủ trương về đường lối CNH HĐH đất nước của Đảng ta cũng lấy yếu tố con người là trung tâm, là then chốt cho sự phát triển. Chất lượng công tác phân tích phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố nhân sự có vai trò rất quan trọng. Giả sử rằng tất cả các bước yếu tố khác đều tốt nhưng công việc phân tích được giao cho một cán bộ yếu về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu đầu óc quan sát, thiếu việc đánh giá sự vật trong mối quan hệ tài chính thì chắc chắn những kết quả phân tích sẽ không đáng tin cậy, phiến diện và mang tính chủ quan. Thông thường trong các công ty Việt Nam hiện nay, công tác phân tích tài chính được giao cho cán bộ phòng tài chính kế toán thực hiện mà chuyên môn chính của họ là kế toán chứ không phải là tài chính.

Giải quyết vấn đề này, để hoàn thiện công tác phân tích tài chính, các cán bộ phân tích ở đây yêu cầu phải là những cán bộ có chuyên môn, trình độ cao về tài chính, được đào tạo chính quy, am hiểu sâu rộng về đặc điểm kinh doanh của công ty, vị thế của công ty, nắm vững những quy định, chính sách quản lý tài chính, chính sách thuế của nhà nước cũng như tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những định hướng kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

Đào tạo cán bộ cho công tác phân tích tài chính là một công việc khó, lâu dài, cần có những cán bộ trẻ, năng động kế tiếp cho những người đi trước. Do vậy, công ty cần có sự đầu tư thích đáng về thời gian và tiền của cho nguồn nhân lực phục vụ cho công tác này. Công ty có thể tổ chức các khoá học ngắn hạn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ quản lý tài chính. Tuyển thêm các cán bộ trẻ có nghiệp vụ cao chuyên về tài chính làm dồi dào thêm cho nguồn nhân sự. Mặc dù công việc này mang tính đầu tư lâu dài, xong chắc chắn sẽ nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác phân tích tài chính của công ty trong tương lai.

#### ***3.2.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty.***

Để nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý, Ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty nên lập kế hoạch phân tích cụ thể. Theo em, ta có thể tiến hành phân tích theo trình tự như sau:

#### Bước 1: Lập kế hoạch phân tích

- ✓ Chỉ rõ nội dung cần phân tích: Nội dung phân tích có thể bao gồm:
  - Phân tích mức độ biến động và cơ cấu biến động của tài sản và nguồn vốn trong Công ty.
  - Phân tích khả năng tự chủ về vấn đề tài chính của Công ty.
  - Phân tích tình hình tài chính của Công ty thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.
- ✓ Lựa chọn phương pháp phân tích: Để phục vụ cho công tác Phân tích ta có thể sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh và phương pháp tỷ lệ.

#### Bước 2: Thực hiện quá trình phân tích

- ✓ Xác định nguồn tài liệu phục vụ cho công tác phân tích:

Ta sử dụng nguồn tài liệu hạch toán Như Báo cáo tình hình tài chính của hai năm gần nhất với năm cần phân tích, số liệu của các doanh nghiệp cùng ngành, những thông tin kinh tế trong và ngoài nước (đã được kiểm tra tính xác thực) để phục vụ cho nội dung cần phân tích....

✓ Chính lý, xử lý số liệu, tính toán các chỉ tiêu và tiến hành phân tích:

Do tài liệu được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau vì vậy trước khi tính toán các chỉ tiêu và đánh giá tình hình phải đối chiếu, kiểm tra tính trung thực, hợp lý các số liệu đưa vào tính toán, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp để đảm bảo đánh giá được tình hình, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và cung cấp thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu quản lý.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận phân tích cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần phân tích đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu cần phân tích. Đặc biệt chú trọng những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng, phải bám sát thực tế Công ty và các chỉ tiêu phân tích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận một cách phiến diện thiếu chính xác.

#### Bước 3 : Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích):

Báo cáo phân tích phải bao gồm:

- ✓ Đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- ✓ Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến việc phân bổ tài sản, nguồn vốn của đơn vị.
- ✓ Nêu được các biện pháp cụ thể để cải tiến công tác đã qua động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỳ tới.

Với việc tổ chức công tác phân tích này, nội dung phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sẽ được phân tích kỹ hơn, sâu hơn, và đánh giá được toàn diện hơn về tài chính của Công ty. Vận dụng vào thực trạng công tác hạch toán kế toán của Công ty TNHH Pbox Việt Nam và để công tác phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính được tốt, ta nên thực hiện các nội dung phân tích cụ thể sau đây:

#### *3.2.2.1 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản*

Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn thời gian tới phù hợp.

**Biểu số 3.1: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản***Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch +/-		Tỷ trọng	
			Số tiền	Tỷ lệ %	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)
I. Tiền và khác khoản tương đương tiền	1.068.562.063	2.243.312.060	(1.174.749.997)	(52,37%)	4.74	8.12
II. Đầu tư tài chính	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu	6.071.234.115	7.183.789.758	(1.112.555.643)	(15,49%)	26.94	26.01
IV. Hàng tồn kho	12.809.367.945	15.106.191.639	(2.296.823.694)	(15,20%)	56.84	54.69
V. Tài sản cố định	2.278.742.794	2.732.069.392	(453.356.598)	(16,59%)	10.11	9.89
VI. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
VII. XDCB dở dang	-	-	-	-	-	-
VIII. Tài sản khác	309.457.755	358.293.470	(48.835.715)	(13,63%)	1.37	1.30
<b>Cộng</b>	<b>22.537.364.672</b>	<b>27.623.656.319</b>	<b>(5.086.291.647)</b>	<b>18,41%</b>	<b>100.00</b>	<b>100.00</b>

### Qua bảng trên ta thấy:

Qua số liệu trên ta thấy tổng tài sản của Công ty TNHH Pbox Việt Nam cuối năm 2021 so với cuối năm 2020 đã giảm **5.086.291.647**, tương ứng tăng **18,41%**. Trong đó:

+ **Tiền và các khoản tương đương tiền**: Nhận thấy, chỉ tiêu này cuối năm 2021 so với cuối năm 2020 giảm mạnh **1.174.749.997** đồng, tương ứng **52,37%**. Xét trên góc độ khả năng thanh toán thì đây là biểu hiện chưa tốt vì Công ty chưa có lượng tiền dự trữ để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty, nhất là khi doanh nghiệp có nhu cầu thanh toán ngay. Nhưng xét trên góc độ hiệu quả sử dụng vốn thì việc tồn quỹ ít lại làm cho hiệu quả sử dụng vốn tăng.

+ **Các khoản phải thu**: cuối năm 2021 so với cuối năm 2020 giảm **1.112.555.463** đồng tương ứng tỷ lệ **15,49%**. Điều này cho thấy công ty đang có sự điều chỉnh hợp lý không dẫn đến tình trạng bị chiếm dùng vốn và bị khách hàng mua chịu, Đồng thời cho thấy công ty đang làm tốt công tác thu hồi công nợ. Công ty cần tiếp tục phát huy và có những biện pháp nâng cao nghiệp vụ thu hồi công nợ 1 cách nhanh chóng hơn để nâng cao hiệu quả của đồng vốn. Công ty cần lập tuổi nợ để phân biệt những khoản nợ dài hạn, nợ ngắn hạn và những khoản nợ có nguy cơ khó đòi, để qua đó phát hiện được và nhanh chóng có những biện pháp thu nợ hữu hiệu. Để thực hiện được điều này công ty cần lập sổ theo dõi tình hình công nợ, theo dõi thường xuyên và lập báo cáo tình hình công nợ phải thu theo tháng. Khi biết được tuổi nợ của các đối tượng công ty cần tăng cường thu hồi nợ như: thường xuyên đôn đốc nhắc nhở, giữ giấy phép lưu hành của cơ quan đăng kiểm hoặc thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán.... Trong nền kinh tế thị trường việc mua bán chịu là không thể thiếu, nó có thể làm cho công ty đứng vững trên thị trường nhưng cũng có thể đem đến cho công ty những rủi ro kinh doanh. Vì thế để phát huy mặt tích cực của công việc này, công ty cần nắm bắt được năng lực trả nợ, tinh thần trách nhiệm trả nợ, các tài sản riêng có thể dùng để bảo đảm cho các khoản nợ, khả năng phát triển và xu thế phát triển của ngành nghề kinh doanh của bạn hàng. Làm tốt công tác này sẽ giúp cho công ty thu hồi được vốn và nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn lưu động

+ **Hàng tồn kho**: Vào cuối năm 2021 giảm **453.326.598** đồng so với cuối năm 2020 tương đương với tỷ lệ giảm **15,20%**, trong đó cơ cấu của năm 2020 và năm 2021 đạt **54,69%** và **56,84%** trong tổng tài sản



+ **Tài sản cố định** cuối năm 2021 giảm **453.326.598** đồng so với cuối năm 2020, tương ứng **16,59%**. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp chưa được nâng cao. Đây là biểu hiện không tốt vì vậy trong thời gian tới công ty nên xem xét và đầu tư thêm để nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

+ **Tài sản khác** cuối năm 2021 cũng giảm **48.835.715** đồng so với cuối năm 2020, tương đương với tỷ lệ **13,63%**

### 3.2.2.2 *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn*

Phân tích tình hình biến động và cơ cấu của từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách. Sau đây là bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Pbox Việt Nam (Biểu số 3.3)

**Biểu số 3.2 Phân tích tình hình biến động và nguồn vốn**

NGUỒN VỐN	Cuối năm	Đầu năm	Chênh lệch +/-		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ %	Cuối năm	Đầu năm
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>15.043.489.878</b>	<b>20.425.026.033</b>	<b>(5.381.536.155)</b>	<b>(26,35%)</b>	<b>66,75%</b>	<b>73,94%</b>
1. Phải trả người bán	2.972.180.145	6.219.377.629				
2. Người mua trả tiền trước	23.095.413	23.061.287				
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44.064.107	46.578.692				
4. Phải trả người lao động	415.350.213	547.208.425				
5. Phải trả khác						
6. Vay và nợ thuê tài chính	11.588.800.000	13.588.800.000				
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh						
8. Dự phòng phải trả						
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ						
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>7.493.874.794</b>	<b>7.198.630.286</b>	<b>295.244.508</b>	<b>4,10%</b>	<b>33,25%</b>	<b>26,06%</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000				
2. Thặng dư vốn cổ phần						

3.Vốn khác của chủ sở hữu						
4.Cổ phiếu quỹ						
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái						
6.Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu						
7.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.493.874.794	2.198.630.286	295.244.508	13.43%		
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.537.364.672</b>	<b>27.623.656.319</b>	<b>(5.086.291.647)</b>	<b>(18,41%)</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Qua bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu vốn của Công ty TNHH Pbox Việt Nam, cho ta thấy để có vốn hoạt động kinh doanh, công ty đã huy động từ những nguồn nào và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự biến động của nguồn vốn. Qua đó có thể thấy mức độ hoạt động tài chính và khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của Công ty.

Tổng nguồn vốn của công ty năm 2021 giảm so với cuối năm 2020. Nếu như cuối năm 2020 nguồn vốn của công ty là **27.623.656.319** đồng thì đến cuối năm 2021 nguồn vốn chủ sở hữu của công ty giảm còn **22.537.364.672** đồng (tức giảm **5.086.291.647** đồng, tương ứng với tỷ lệ là **18,41%**). Trong đó:

“Vốn chủ sở hữu” năm 2021 tăng so với năm 2020 là **295.244.508** đồng, tương ứng với tỷ lệ **4,10%**. Đi sâu vào phân tích ta thấy vốn chủ sở hữu tăng là do lợi nhuận sau thuế tăng 295.244.508 đồng tương ứng với tỷ lệ 13.43% , điều đó chứng tỏ trong năm 2021 công ty làm ăn có lãi hơn so với năm 2020. Do đó làm cho vốn chủ sở hữu tăng. Đây là biểu hiện rất tốt, doanh nghiệp cần phát huy trong những kỳ tới.

“Nợ phải trả” của công ty năm 2020 là **20.425.026.033** đồng chiếm tỷ trọng **73,94%** trong tổng số nguồn vốn. Đến năm 2021 chỉ tiêu này giảm xuống còn **15.043.489.878** đồng, chiếm tỷ trọng **66,75%**. Điều đó chứng tỏ công ty đã thanh toán được các khoản vay, đây có thể xem là chiều hướng tốt, doanh nghiệp cần phát huy trong thời gian tới.

### *3.2.2.3 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:*

Từ số liệu của Báo cáo tình hình tài chính (Biểu số 2.12), ta lập được Bảng phân tích khả năng thanh toán của Công ty như sau (Biểu số 3.3)

### Biểu số 3.3: Phân tích khả năng thanh toán

Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty TNHH Pbox Việt Nam

Chỉ tiêu	Công thức tính	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	=	Tổng tài sản	Lần	1,50	1,35	0,15
		Nợ phải trả				
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	=	Tài sản ngắn hạn	Lần	1,35	1,22	0,13
		Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	=	Tiền và các khoản tương đương tiền	Lần	0,07	0,11	(0,04)
		Nợ ngắn hạn				

Qua bảng số liệu ta thấy

**Hệ số thanh toán tổng quát** năm 2021 là: 1,50 năm 2020 là 1,35. Hệ số này cho biết năm 2017, cứ một đồng tiền vay thì có 1,50 đồng tài sản đảm bảo. Cả 2 năm hệ số này đều lớn hơn 1 chứng tỏ công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản vay.

**Hệ số thanh toán ngắn hạn** : thể hiện mức độ đảm bảo của Tài sản ngắn hạn với Nợ ngắn hạn. Năm 2020 cứ 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 1,22 đồng tài sản ngắn hạn, nhưng đến năm 2021 thì 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo thanh toán bằng 1,35 đồng tài sản ngắn hạn. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của năm 2021 cao hơn năm 2020 cho thấy công ty đủ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

**Hệ số thanh toán nhanh**: Đây có thể nói là thước đo về việc huy động tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này năm 2020 là 0,11 và giảm xuống 0,07 vào năm 2021. Hệ số của

cả 2 năm đều ở mức thấp cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ đến hạn

=> Như vậy thông qua việc phân tích, đánh giá ta thấy tình hình tài chính của công ty đang tốt. Chính vì vậy công ty cần tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng và các Báo cáo tình hình nói chung cuối mỗi niên độ, nhằm giúp kế toán tìm ra hướng giải quyết đúng đắn trong tương lai.

### ***3.2.2 Ý kiến thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi chép sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam.***

Tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán sẽ được tổng hợp dồn vào cuối tháng sẽ làm gia tăng công việc phải hoàn thiện, ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Trong điều kiện hiện nay các phần mềm kế toán có trên thị trường hết sức phong phú và đa dạng như phần mềm MISA SME.NET, phần mềm SAS INOVA, phần mềm FAST, phần mềm METADATA... với nhiều tính năng đầy đủ cho công tác kế toán cùng với đó giá cả của một phần mềm giao động từ 7 đến 10 triệu.

Sau đây, em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán thông dụng trên thị trường hiện nay như:

#### **a, Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2021**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2021 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 13 phân hệ: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng

hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách, kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo các phương pháp khác nhau, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến... Hơn nữa, với phần mềm MISA SME.NET 2021 đã tích hợp sẵn một số mẫu hóa đơn cho phép các doanh nghiệp có thể chỉnh sửa cho phù hợp với đặc thù của đơn vị mình như: chèn thêm hình ảnh, logo, thay đổi màu sắc, font chữ.... Phần mềm này còn hỗ trợ đánh số hóa đơn theo đúng quy định của Bộ Tài chính, tránh nhầm lẫn hoặc trùng lặp hóa đơn. Bên cạnh đó phần mềm MISA SME.NET 2021 còn có các chức năng quản lý hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP như hủy hóa đơn, báo mất, hỏng, cháy hóa đơn. Đặc biệt, phần mềm này có tính năng theo dõi hóa đơn và tự động cảnh báo cho người sử dụng biết mình đã in hóa đơn ra chưa và hóa đơn đã được in bao nhiêu lần. Điều này giúp kế toán viên giảm thiểu những sai sót khi in hóa đơn. Dưới đây là giao diện phần mềm MISA SME.NET 2021

**Biểu số 3.4: Giao diện làm việc của phần mềm MISA**



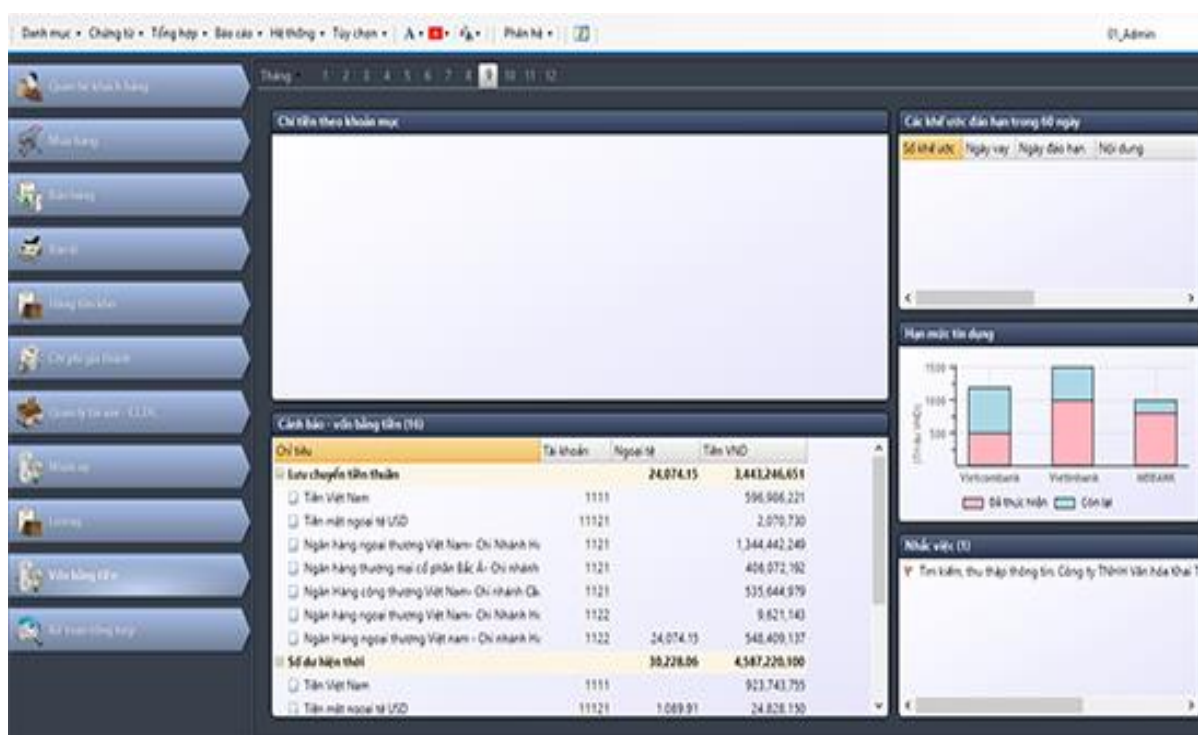
## b. Phần mềm kế toán BRAVO

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ Tài chính cùng với các Chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam. Phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh nghiệp được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu và “một công đoạn của một bộ phận” và sử dụng qua bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giá bán của phần mềm BRAVO hiện nay trên thị trường là: 7.603.500 đồng.

Dưới đây là giao diện của phần mềm kế toán BRAVO:

**Biểu số 3.5: Giao diện làm việc của phần mềm BRAVO**





### c. Phần mềm kế toán FAST

+ Fast Accounting (phiên bản 10.0) là dòng sản phẩm truyền thống của Fast , Fast Accounting cho đến nay đã trải qua nhiều thế hệ khác nhau. Đây là sản phẩm phổ biến nhất đối với doanh nghiệp cũng như sinh viên chuyên ngành tài chính kế toán. Cho đến nay thì phiên bản mới nhất là Fast Accounting 10.0 mang những tính năng nổi bật như: Có thể chạy trên mạng với nhiều người sử dụng hoặc các máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí bán hàng, chi phí thu mua nguyên vật liệu, hàng hóa....), quản lý số liệu năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu, xem báo cáo trong khi đang nhập số liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...

Giao diện của phần mềm kế toán Fast:

**Biểu số 3.6: Giao diện làm việc của phần mềm FAST**



**Kết luận:** Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán hay dùng, có thể sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là phù hợp với hình thức kinh doanh của công ty, em thấy phần mềm kế toán MISA là phù hợp nhất. Bên cạnh những tính năng hữu hiệu, giá cả hợp lý, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào nội dung giảng dạy tại các trung tâm kế toán và các doanh nghiệp. Vì vậy áp dụng phần mềm này trong quá trình hạch toán kế toán sẽ thuận tiện hơn rất nhiều giảm áp lực đối với nhân viên kế toán.

## KẾT LUẬN

Đề tài “Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam” đã giải quyết được 1 số vấn đề như sau:

❖ Về mặt lý luận:

Đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính

❖ Về mặt thực tiễn:

- Đã phản ánh đúng thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam

- Đã đánh giá những ưu điểm và hạn chế tổng công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại công ty nói riêng.

- Đã đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Pbox Việt Nam.

+ Công ty nên lập kế hoạch phân tích Báo cáo tài chính

+ Công ty nên phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản, nguồn vốn thông qua thông tư 133/2016/TT-BTC.

+ Công ty cần nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán

+ Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán

Do còn hạn chế về trình độ lý luận và thực tiễn nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em cũng xin chân thành cảm ơn Th.S Hòa Thị Thanh Hương đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình cho em cùng với các cô và các chị trong phòng kế toán đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

Sinh viên

Đoàn Thị Thanh Thanh